TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1 phúc**

Bản án số: 23 /2023/HNGĐ – ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2023
"V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thuần và bà Trương Thị Hương Nghĩa

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc " Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/1995 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau đã đượcTòa án nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 106 ngày 7/12/2022. Sau khi ly hôn về tài sản chung giữa chị và anh H chưa giải quyết. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa chị và anh H trong quá trình chung sống đã tạo dựng được một số tài sản đứng tên vợ chồng chị cụ thể như sau:

Quá trình chung sống từ năm 1998 chị và anh H được bố mẹ anh H là cụ Nguyễn Văn T (đã chết năm 2017) và cụ Đỗ Thị C tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 330m^2, ở thửa đất số 556 (trong đó có 300m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây lâu năm) tại tờ bản đồ số 17, ở thôn Thiếu Khanh, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc là nơi ở và xây dựng tài sản hiện nay; đến năm 2002 diện tích đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, ban đầu đứng tên anh H, đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 anh chị đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 516621; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH: 00823, diện tích hiện trạng là 480.0m^2 diện tích đất này không dùng để thế chấp, vay vốn ở bất kỳ tổ chức tín dụng nào; tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn 01 tầng 01 tum, đổ mái bằng, xây năm 2010, diện tích sử dụng 81.0m^2; 01 sân gạch trước nhà diện tích sử dụng 66m^2; 01 lán mái tôn lát gạch diện tích sử dụng 25.0m^2 và có sân gạch ở dưới; 01 nhà vệ sinh khép kín đổ mái bằng diện tích sử dụng là 9.0m^2; 01 mái tôn trước nhà vệ sinh có diện tích là 15.0m^2; trên đất còn có hệ thống tường bao loan xung quanh thửa đất, 01 nhà bếp được xây bằng tường gạch mái ngói diện tích 9.0m^2; những tài sản trên đất là do anh chị trực tiếp xây dựng lên, các con của anh chị ở thời điểm tạo dựng tài sản còn nhỏ nên không có công sức gì. Nay, chị đề nghị Tòa án chia đôi diện tích đất để chị lấy chỗ ăn ở; về phần tài sản là nhà lớn, lán mái tôn, sân gạch, nhà vệ sinh khép kín chị xin sử dụng và thanh toán chênh lệch cho anh H ½ giá trị tài sản vì anh chị có công sức ngang nhau trong việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản này; đối với 01 gian bếp xây gạch đã cũ và hệ thống tường bao loan trên diện tích đất, do các công trình này được xây dựng đã lâu, đã cũ, giá trị sử dụng không còn và có thể dỡ bỏ, các cây cối trên đất có thể chặt bỏ hoặc di dời được nên chị không yêu cầu chia.

Về công nợ: Chị và anh H không nợ chung gì của ai và không cho ai vay chung; không nợ của bất kỳ tổ chức tín dụng nào, chị không đề nghị gì về công nợ; về đất canh tác: Chị và anh H không có chung nhau, chị cũng không đề nghị gì.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh thống nhất như chị H1 trình bày về thời gian chung sống và giải quyết ly hôn là đúng.

Về chia tài sản: Anh xác nhận anh chị có những tài sản như chị H1 trình bày; về phần các tài sản, công trình xây dựng trên đất, đồ dùng sinh hoạt anh nhất trí chia ½ cho anh và chị H1 đều được sử dụng, ngăn đôi, chia cắt của anh và chị H1 để anh chị đều được sử dụng không ai phải thanh toán chênh lệch cho ai; về diện tích đất anh cũng xác định nguồn gốc diện tích đất này là do bố mẹ anh cho, diện tích ban đầu được cho tặng là 330m^2, sau đó khi anh và chị H1 xây nhà lớn năm 2010 thì mẹ anh là bà Đỗ Thị C cho tiếp diện tích 3m kéo dài như

đo hiện trạng là 480m^2 nên anh không nhất trí chia theo yêu cầu của chị H1 là toàn bộ diện tích theo hiện trạng vì bố mẹ anh cho riêng anh chỗ đất thừa, không phải cho chị H1 nên anh không nhất chí chia đất cho chị H1 diện tích đất tăng thêm này. Diện tích đất tăng thêm này hiện tại nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị C.

Anh cũng xác nhận anh chị không có nợ chung gì của ai và không cho ai vay chung; không nợ của bất kỳ tổ chức tín dụng nào, diện tích đất không dùng để cầm cố, thế chấp ở đâu; về đất canh tác: Anh cũng không đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị C trình bày: Bà là mẹ của anh H, chồng bà là ông Nguyễn Văn T đã chết, không để lại di chúc; anh H và chị H1 kết hôn năm 1995, sau khi kết hôn chị H1 về gia đình bà làm dâu, ở chung cùng gia đình bà được thời gian ngắn anh chị được vợ chồng bà cho ra ở riêng trên đất và nhà hiện tại, ban đầu khi ra ở riêng chỉ có nhà cấp bốn tranh tre cũ, sau đó anh H, chị H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi anh chị ăn nên, làm ra đến năm 2010 anh chị đã phá bỏ ngôi nhà cũ, xây dựng nhà mới là nơi ở hiện tại, khi xây dựng anh H, chị H1 có hỏi xin thêm của vợ chồng bà diện tích đất khoảng 3m chiều rộng mặt đường xóm, kéo dài hết diện tích đất ở phần đất tiếp giáp diện tích đất đứng tên bà để anh chị xây nhà cho rộng và bà nhất trí cho nên anh chị mới có diện tích đất hiện trạng như ngày nay. Nay anh H, chị H1 ly hôn bà cũng không thắc mắc, khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H, chị H1, bà cũng không yêu cầu lấy lại diện tích đất đã cho anh H chị H1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh H chị H1; tuy nhiên đối với phần đất thừa, không nằm trong bìa đỏ đứng tên anh H, chị H1 bà đề nghị được lấy lại bà không cho.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thụ lý vụ án, giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đúng, đầy đủ. Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1 về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Chia cho anh H tổng diện tích là 264m^2 (trong đó có 165 m^2 đất ở), trị giá 396.000.000 đồng. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà ở 01 tầng được xây dựngbê tông cốt thép có diện tích xây dựng 81m^2, trị giá 174.150.000 đồng; 01 sân gạchkhông có mái che diện tích 66m^2, trị giá 7.392.000 đồng; 01 mái tôn trước nhà có diện tích 25m^{2}và sân gạchphía dưới có diện tích 25 m^2, trị giá 3.825.000 đồng. Tổng tài sản anh H được hưởng là 581.367.000 đồng.

Chia cho chị H1 phần đất phía trong giáp với phần đất của ông Nguyễn Đức Minh tổng diện tích là 216m^2, trong đó chị H1 được sử dụng 135 m^{2}đất ở, trị giá 324.000.000 đồng. Trên đất có nhà vệ sinh diện tích 09m^2, trị giá 19.350.000 đồng; 01 mái tôn gần nhà vệ sinh có diện tích 15m^2, trị giá:1.680.000 đồng, lối cổng vào nhà chị H1 sát cạnh phần đất của anh H. Tổng tài sản chị H1 được hưởng là 345.030.000 đồng; Anh H phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho chị H1 là 82.168.500 đồng.

Về án phí, chi phí tố tụng: Anh H, chị H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn giữa chị và anh H nên quan hệ pháp luật Tòa án giải quyết là "chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự do các đương sự cư trú tại xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nguồn gốc đất tại thửa đất số 556, tại tờ bản đồ số 17, ở thôn Thiếu Khanh, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (trong đó có 300m^2 đất ở và 30m^2 đất vườn), diện tích đo hiện trạng là 480.0m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày

30 tháng 9 năm 2013 đứng tên anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1 có nguồn gốc là do bố mẹ anh H cho tặng. Phía chị H1 yêu cầu chia đôi diện tích đất này để lấy chỗ ăn ở, sinh sống; phía bị đơn anh H cũng như phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C không đồng ý chia toàn bộ diện tích đất theo hiện trạng sử dụng thực tế mà chỉ đồng ý chia diện tích đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh H chị H1 là 330m. Đối với diện tích đất thừa 150 m anh H, bà C cho rằng đây là diện tích bà C cho anh H khi làm nhà lớn xây năm 2010, hiện tại vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C nên trả lại cho bà C.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương xác định: Sau khi anh H, chị H1 kết hôn, năm 1998 đã được bố mẹ anh H là cụ Nguyễn Văn Tuyến (chết năm 2017) và cụ Đỗ Thị C tặng cho anh chị, kể từ khi được tặng cho anh, chị đã sinh sống tạo dựng tài sản trên đất, xây tường bao loan để ngăn cách các mốc giới xung quanh, đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 anh chị đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp, đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không ai có khiếu nại, thắc mắc, khởi kiện về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H và chị H1, Tòa án cũng đã lấy lời khai của bà Đỗ Thị C là mẹ anh H cũng khẳng định đã cho anh H, chị H1 diện tích đất này. Đối chiếu với Án lệ số 03/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA, ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thể hiện: *"Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng, nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành kê khai đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất".* Bởi vậy, cần xác định toàn bộ tài sản là nhà và đất chị H1 yêu cầu phân chia là tài sản chung của anh H, chị H1 trong thời kỳ hôn nhân. Mặc dù trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ thể hiện diện tích 330 m^2 nhưng thực tế sử dụng 480 m^2. Qua xác minh tại địa phương cung cấp đối với phần diện tích đất thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 150 m^2 trong đó có 86 m^2 đất do bà C cho vợ chồng anh H, chị H1 thêm vào năm 2010 để xây nhà lớn đang ở còn lại do sai số trong quá trình đo vẽ bản đồ địa chính. Hiện tại diện tích đất thừa này cũng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà C. Đất sử dụng ổn định, không có lấn chiếm cũng như tranh chấp với ai. Do vậy, việc anh H và bà C yêu cầu lấy lại diện tích

đất này không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, cần xác định diện tích đất là tài sản để chia sau khi ly hôn giữa anh H, chị H1 là 480 m^2.

Xét yêu cầu chia đôi diện tích đất của chị H1 để chị lấy chỗ ăn ở, sinh sống; Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu của chị H1 là có căn cứ vì đây là tài sản được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân của anh chị; ngoài chỗ ở này ra chị H1 không còn chỗ ở nào khác nên cần chia cho chị H1 một phần diện tích đất để chị ổn định cuộc sống; tuy nhiên có xem xét đến nguồn gốc diện tích đất này là do bố mẹ anh H cho, do đó khi phân chia tài sản cần giao cho anh H phần diện tích đất có giá trị lớn hơn mà không phải thanh toán chênh lệch cho chị H1; do toàn bộ vị trí đất có lối cổng đi duy nhất là về phía bà Nguyễn Thị Đạo để đi ra đường giao thông của xóm nên khi chia đối với người được chia vị trí bên ngoài thì cần dành lại cho người phía trong một phần vị trí đất để làm lối đi ra đường giao thông của xóm, có như vậy mới đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản; đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên; cụ thể nên chia cho anh H phần đất giáp hộ bà Đỗ Thị C (mẹ anh H), có diện tích là 264.0m^2 có giá trị là 396.000.000đồng; chia cho chị H1 phần đất giáp hộ ông Nguyễn Đức Minh, có diện tích là 216m^2 có giá trị là 324.000.000đồng (trong đó có 22m^2 làm đường đi của chị H1) là phù hợp với thực tế sử dụng của các đương sự.

Xét yêu cầu chia tài sản có trên đất; căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì chị H1 và anh H có các tài sản gồm: Những tài sản trên phần đất chia cho anh H là 01 ngôi nhà cấp bốn 01 tầng 01 tum, đổ mái bằng, xây năm 2010, diện tích sử dụng 81.0m^2 có giá trị = 174.150.000 đồng; 01 sân gạch trước nhà diện tích sử dụng 66m^2 có giá trị = 7.392.000 đồng; 01 lán mái tôn lát gạch phía dưới diện tích sử dụng 25.0m^2 có giá trị = 3.825.000 đồng; những tài sản nằm trên phần đất chia cho chị H1 bao gồm 01 nhà vệ sinh khép kín xây gạch, mái bê tông, diện tích sử dụng 9.0m^2 có giá trị = 19.350.000đồng; 01 mái tôn trước nhà vệ sinh có diện tích là 15.0m^2 có giá trị = 1.680.000đồng; tổng giá trị tài sản là: 206.397.000đồng; do toàn bộ tài sản là vật đồng bộ, không thể cắt ra để chia nên giao cho anh H sử dụng những tài sản là 01 nhà cấp bốn diện tích sử dụng 81.0m^2, 01 sân gạch 66m^2, 01 lán mái tôn lát gạch diện tích sử dụng 25.0m^2; tổng giá trị là = 185.367.000đồng; giao cho chị H1 sở hữu, sử dụng 01 nhà vệ sinh khép kín mái bê tông diện tích sử dụng là 9.0m^2; 01 mái tôn trước nhà vệ sinh có diện tích là 15.0m^2; tổng giá trị tài sản là: 21.030.000 đồng; do tài sản này anh chị cùng tạo dựng được nên cần buộc anh H thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H1 là 82.168.500đồng.

Ngoài ra trên đất còn có hệ thống tường bao loan xung quanh thửa đất, 01 nhà bếp được xây bằng tường gạch mái ngói diện tích 9.0m^2 cùng các cây cối,

lâm lộc trên đất; do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Do chị Nguyễn Thị H1 đã nộp tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản, nay chị H1 không yêu cầu gì về tiền chi phí tố tụng, không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải chịu cùng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H.

Chia cho chị Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất 216m^2 (trong đó có 135 m^2 đất ở), có chiều cạnh (A, B, B1, A2, A1, A và A1, A2, A3, D2, E, A1) ở thửa đất số 556', tờ bản đồ số 17, tại thôn Thiếu Khanh, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu 01 nhà vệ sinh khép kín mái bê tông diện tích sử dụng là 9.0m^2; 01 mái tôn trước nhà vệ sinh có diện tích là 15.0m^2. Tổng trị giá tài sản là 345.030.000 đồng.

Chia cho anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 264m^2 (trong đó có 165 m^2 đất ở), (có chiều cạnh A2, B1, B2, C, D, D1,D2, A3, A2) ở thửa đất số 556', tờ bản đồ số 17, tại thôn Thiếu Khanh, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn 01 tầng 01 tum, đổ mái bằng, xây năm 2010, diện tích sử dụng 81.0m^2; 01 sân gạch trước nhà diện tích sử dụng 66m^2; 01 lán mái tôn lát gạch phía dưới trước mặt nhà lớn diện tích sử dụng 25.0m^2. Tổng trị giá tài sản là 581.367.000 đồng.

(diện tích đất và tài sản trên đất chia cho chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H có sơ đồ hiện trạng chi tiết kèm theo)

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện trình tự, thủ tục, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền là 82.168.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Văn H không thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 21.207.900 đồng án phí phân chia tài sản chung; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004100 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên. Chị Nguyễn Thị H1 còn phải nộp tiếp số tiền là 16.007.900 đồng .

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 23.967.900 đồng án phí phân chia tài sản.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Vân Hồng